

Phụ lục VI

ĐIỀU KIỆN HỌC SINH ĐĂNG KÝ HỌC NGOẠI NGỮ Ở CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Công văn số 1006/SGDDĐT-QLT ngày 08/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo) 

TT	Học sinh chọn ngoại ngữ học tại cấp THPT	Điều kiện học sinh học Ngoại ngữ ở cấp THCS	Trường THPT áp dụng
1	Tiếng Anh	Ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2 là tiếng Anh	Tất cả các trường THPT
2	Tiếng Nhật là ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2 là tiếng Nhật (<i>học đủ 4 năm ở cấp THCS, được thể hiện trong Học bạ THCS</i>)	THPT Chu Văn An, THPT Kim Liên, THPT Việt Đức
3	Song bằng tú tài	- Học sinh đã kết thúc học chương trình đào tạo song bằng theo Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND Thành phố về việc Phê duyệt Đề án “Thí điểm chương trình đào tạo song bằng THCS Việt Nam và Chứng chỉ IGCSE tại một số trường THCS tại Hà Nội”; - Học sinh đã tốt nghiệp THCS có điểm trung bình cả năm lớp 9 các môn Toán, Vật lý, Hóa học từ 8,0 trở lên; môn Tiếng Anh từ 8,5 trở lên; môn Ngữ văn từ 6,5 trở lên.	THPT chuyên Hà Nội- Amsterdam THPT Chu Văn An
3	Song ngữ tiếng Pháp	Là học sinh học chương trình Song ngữ tiếng Pháp: - Học lực, Hạnh kiểm cả năm các lớp THCS từ khá trở lên - Xếp loại tốt nghiệp THCS đạt loại Khá trở lên - Xếp loại công nhận tốt nghiệp Chương trình song ngữ tiếng Pháp cấp THCS từ loại Khá trở lên	THPT Chu Văn An
4	Tăng cường tiếng Pháp (<i>Không học các môn Khoa học bằng tiếng Pháp</i>)	Là học sinh học chương trình Song ngữ tiếng Pháp: - Học lực, Hạnh kiểm cả năm các lớp THCS từ trung bình trở lên - Xếp loại tốt nghiệp THCS đạt loại Trung bình trở lên - Xếp loại công nhận tốt nghiệp Chương trình song ngữ tiếng Pháp cấp THCS từ loại Trung bình trở lên	THPT Việt Đức
5	Tiếng Pháp hệ 3 năm	Một trong các ngoại ngữ đã học là: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn.	THPT Sơn Tây (<i>hệ không chuyên</i>)

TT	Học sinh chọn ngoại ngữ học tại cấp THPT	Điều kiện học sinh học Ngoại ngữ ở cấp THCS	Trường THPT áp dụng
6	Tiếng Đức (ngoại ngữ 2 hệ 7 năm) (NN1: Tiếng Anh NN2: Tiếng Đức)	Học sinh đảm bảo đủ các điều kiện sau: - Học tiếng Anh ở cấp THCS - Học Tiếng Đức đủ 4 năm ở cấp THCS - Có chứng chỉ tiếng Đức đạt A2 trở lên theo khung tham chiếu châu Âu.	THPT Việt Đức (Nhóm học sinh đủ điều kiện và đăng ký học theo chương trình này gọi chung là nhóm Đức 2-7)
7	Tiếng Nhật, Tiếng Trung, Tiếng Hàn, Tiếng Đức... (ngoại ngữ 2 hệ 3 năm)	Sau khi trúng tuyển và xác nhận nhập học vào trường THPT, học sinh nộp Đơn xin học Ngoại ngữ 2 hệ 3 năm nếu có nguyện vọng.	Một số trường THPT công lập và tư thục tổ chức dạy Ngoại ngữ 2 hệ 3 năm: Phan Đình Phùng, Việt Đức, Phan Huy Chú-Đồng Đa, THPT Đoàn Thị Điểm, THCS&THPT M.V.Lô-mô-nô-xốp, THCS&THPT Alfred Nobel...

Phụ lục VII

QUY ĐỊNH VỀ NGOẠI NGỮ THI, NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGỮ VÀ NGOẠI NGỮ THAY THẾ CHUYÊN NGỮ ĐỐI VỚI HỌC SINH CÓ DỰ THI CÁC MÔN CHUYÊN NGOẠI NGỮ

(Kèm theo Công văn số 1006/SGDDĐT-QLT ngày 08/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Học sinh chọn lớp chuyên ngữ	Trường THPT có lớp chuyên ngữ	Ngoại ngữ dự thi vào lớp chuyên ngữ		Ngoại ngữ điều kiện chuyên, thi chiều 08/6/2024)	Ghi chú
			Ngoại ngữ chuyên ngữ	Ngoại ngữ thay thế chuyên ngữ		
1	Chuyên Anh	chuyên HN-Ams, Chu Văn An, chuyên Nguyễn Huệ, Sơn Tây	Tiếng Anh		Tiếng Anh Tiếng Đức (đối với nhóm Đức 2-7)	
2	Chuyên Pháp	chuyên HN-Ams, Chu Văn An	Tiếng Pháp		Tiếng Pháp Tiếng Đức (đối với nhóm Đức 2-7)	
3	Chuyên Pháp 3 năm	chuyên Nguyễn Huệ	Tiếng Pháp		Tiếng Pháp hoặc tiếng Đức (đối với nhóm Đức 2-7)	Ngoài chuyên Pháp, học sinh được đăng ký các môn chuyên thi chiều 10/6/2024
				Tiếng Anh	Tiếng Anh hoặc tiếng Đức (đối với nhóm Đức 2-7)	Ngoài chuyên Pháp, học sinh chỉ được đăng ký chuyên Anh trường chuyên Nguyễn Huệ
				Tiếng Đức	Tiếng Đức	Ngoài chuyên Pháp, học sinh được đăng ký các môn chuyên thi chiều 10/6/2024 (trừ chuyên Anh)
				Tiếng Nhật	Tiếng Nhật hoặc tiếng Đức (đối với nhóm Đức 2-7)	Ngoài chuyên Pháp, học sinh được đăng ký các môn chuyên thi chiều 10/6/2024 (trừ chuyên Anh)
				Tiếng Hàn	Tiếng Hàn hoặc tiếng Đức (đối với nhóm Đức 2-7)	Ngoài chuyên Pháp, học sinh được đăng ký các môn chuyên thi chiều 10/6/2024 (trừ chuyên Anh)
4	Chuyên Trung	chuyên HN-Ams		Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn	Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn (riêng nhóm Đức 2-7 là Tiếng Đức)	Nếu học sinh đăng ký Chuyên Trung xét tuyển dựa vào kết quả của môn chuyên ngữ thì môn chuyên ngữ phải có NV1 là chuyên HN-Ams
5	Chuyên Nga	chuyên HN-Ams, chuyên Nguyễn Huệ		Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn	Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn (riêng nhóm Đức 2-7 là Tiếng Đức)	Nếu học sinh đăng ký Chuyên Nga xét tuyển dựa vào kết quả của môn chuyên ngữ thì môn chuyên ngữ phải có NV1 là chuyên HN-Ams hoặc chuyên Nguyễn Huệ

Phụ lục VIII

DANH SÁCH CÁC CUỘC THI DO BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỔ CHỨC HOẶC PHỐI HỢP TỔ CHỨC CHO HỌC SINH CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Công văn số 1006 /SGDDĐT-QLT ngày 08/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo) 

TT	Tên cuộc thi	Đơn vị chủ trì	Năm triển khai
1	Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp (SV. STARTUP)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ 2018
2	Tuổi trẻ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ 2014
3	An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai	Bộ Công An và Ủy ban An toàn giao thông quốc gia	Từ 2017
4	Giao thông học đường	Ủy ban An toàn giao thông quốc gia	Từ 2013
5	Viết thư quốc tế UPU	Bộ Thông tin và Truyền thông	Từ 1971
6	Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh THCS và THPT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ 2012
7	Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc (gồm các môn thể thao được dạy trong trường học, được tổ chức 4 năm/lần)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ 1982

Ghi chú:

- Học sinh đạt giải cấp quốc gia trong các cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp tổ chức phải vượt qua vòng thi cấp cơ sở (cấp trường, cấp phòng Giáo dục và Đào tạo) và được Sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử, cho phép tham dự.

- Học sinh đạt giải cấp quốc gia trong các cuộc thi về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức phải được Sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử, cho phép tham dự.

- Học sinh đạt giải trong các cuộc thi khu vực và quốc tế phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử, cho phép tham dự.

- Đối với cuộc thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai”: không áp dụng đối với học sinh đạt giải cấp quốc gia năm học 2020-2021 (theo Công văn số 5521/BGDDĐT-GDTrH ngày 21/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai cuộc thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” dành cho học sinh và giáo viên trung học năm học 2020-2021)./.

Phụ lục IX

**BẢNG QUY ĐỊNH VIẾT TẮT TRÊN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Công văn số 1006/SGDDĐT-QLT ngày 08/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo) 

TT	Đối tượng/Diện chính sách	Ký hiệu viết tắt
1	Con liệt sĩ	L
2	Con thương binh, bệnh binh mất sức lao động $\geq 81\%$	N
3	Con thương binh, bệnh binh mất sức $< 81\%$	B
4	Đăng ký thi vào lớp song bằng tú tài	2HC
5	Đăng ký thi vào lớp song ngữ tiếng Pháp	2FL
6	Đăng ký học tiếng Đức ngoại ngữ 2 hệ 7 năm (có chứng chỉ A2 trở lên)	A2
7	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	C
8	Đạt giải văn nghệ, thể dục thể thao cấp tỉnh/thành phố	Nhất: VT1 ; Nhì: VT2 ; Ba: VT3 ; Khuyến khích: VT4
9	Đạt giải văn hóa, khoa học kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố	Nhất: VH1 ; Nhì: VH2 ; Ba: VH3 ; Khuyến khích: VH4
10	Con Anh hùng LLVT, Anh hùng LĐ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng	A
11	Hưởng chính sách dân tộc	D
12	Hiện sống và học tập ở vùng KT-XH khó khăn	VKK
13	Giải quốc tế về văn hóa, khoa học kỹ thuật	GQH
14	Giải quốc tế về văn nghệ thể dục thể thao	GQT
15	Đạt giải văn nghệ, thể dục thể thao cấp quốc gia	Nhất: GT1 ; Nhì: GT2 ; Ba: GT3 ; Khuyến khích: GT4
16	Đạt giải văn hóa, khoa học kỹ thuật cấp quốc gia	Nhất: GH1 ; Nhì: GH2 ; Ba: GH3 ; Khuyến khích: GH4

Phụ lục X

DANH MỤC MÃ SỐ CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2024-2025

(Dùng để đăng ký nguyện vọng dự tuyển theo khu vực tuyển sinh)

(Kèm theo Công văn số 1006 /SGDĐT-QLT ngày 08/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo) 

TT	Trường THPT	Mã trường	Ghi chú
KVTS 1: Ba Đình, Tây Hồ			
1	Nguyễn Trãi-Ba Đình	0101	
2	Phạm Hồng Thái	0102	
3	Phan Đình Phùng	0103	N2
4	Chu Văn An	2401	SNTP, SBTT Đ2, N1
5	Tây Hồ	2402	
KVTS 2: Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm			
1	Đoàn Kết-Hai Bà Trưng	1101	
2	Thăng Long	1102	
3	Trần Nhân Tông	1103	
4	Trần Phú-Hoàn Kiếm	1301	
5	Việt Đức	1302	N1, N2, H2, Đ2, Đ27, TCTP
KVTS 3: Cầu Giấy, Đống Đa, Thanh Xuân			
1	Chuyên Hà Nội-Amsterdam	0401	SBTT
2	Cầu Giấy	0402	
3	Yên Hòa	0403	
4	Đống Đa	0801	
5	Kim Liên	0802	N1
6	Lê Quý Đôn-Đống Đa	0803	
7	Quang Trung-Đống Đa	0804	
8	Nhân Chính	2801	
9	Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân	2802	
10	Khương Đình	2803	
11	Khương Hạ	2804	
KVTS 4: Hoàng Mai, Thanh Trì			
1	Hoàng Văn Thụ	1401	
2	Trương Định	1402	
3	Việt Nam-Ba Lan	1403	
4	Ngọc Hồi	2701	
5	Ngô Thị Nhậm	2702	

TT	Trường THPT	Mã trường	Ghi chú
6	Đông Mỹ	2703	
7	Nguyễn Quốc Trinh	2704	
KVTS 5: Gia Lâm, Long Biên			
1	Cao Bá Quát-Gia Lâm	0901	
2	Dương Xá	0902	
3	Nguyễn Văn Cừ	0903	
4	Yên Viên	0904	
5	Lý Thường Kiệt	1501	
6	Nguyễn Gia Thiều	1502	N2, H2, Đ2, T2
7	Phúc Lợi	1503	
8	Thạch Bàn	1504	
KVTS 6: Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn			
1	Bắc Thăng Long	0701	
2	Cổ Loa	0702	
3	Đông Anh	0703	
4	Liên Hà	0704	
5	Vân Nội	0705	
6	Mê Linh	1601	
7	Quang Minh	1602	
8	Tiền Phong	1603	
9	Tiến Thịnh	1604	
10	Tự Lập	1605	
11	Yên Lãng	1606	
12	Đa Phúc	2201	
13	Kim Anh	2202	
14	Minh Phú	2203	
15	Sóc Sơn	2204	
16	Trung Giã	2205	
17	Xuân Giang	2206	

TT	Trường	Mã trường	Ghi chú
KVTS 7: Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Đan Phượng, Hoài Đức			
1	Nguyễn Thị Minh Khai	0301	
2	Thượng Cát	0302	
3	Xuân Đình	0303	
4	Đại Mỗ	1801	
5	Trung Văn	1802	
6	Xuân Phương	1803	
7	Mỹ Đình	1804	
8	Đan Phượng	0601	
9	Hồng Thái	0602	
10	Tân Lập	0603	
11	Thọ Xuân	0604	
12	Hoài Đức A	1201	
13	Hoài Đức B	1202	
14	Vạn Xuân-Hoài Đức	1203	
15	Hoài Đức C	1204	
KVTS 8: Ba Vì, Phúc Thọ, Sơn Tây			
1	Ba Vì	0201	
2	Bát Bạt	0202	
3	Minh Quang	0203	
4	Ngô Quyền-Ba Vì	0204	
5	Quảng Oai	0205	
6	PT Dân Tộc Nội trú	0206	
7	Ngọc Tảo	2001	
8	Phúc Thọ	2002	
9	Vân Cốc	2003	
10	Sơn Tây	2301	P3
11	Tùng Thiện	2302	
12	Xuân Khanh	2303	
KVTS 9: Quốc Oai, Thạch Thất			
1	Cao Bá Quát-Quốc Oai	2101	
2	Minh Khai	2102	
3	Quốc Oai	2103	
4	Phan Huy Chú-Quốc Oai	2104	
5	Bắc Lương Sơn	2501	
6	Hai Bà Trưng-Thạch Thất	2502	

TT	Trường	Mã trường	Ghi chú
7	Phùng Khắc Khoan	2503	
8	Thạch Thất	2504	
9	Minh Hà	2505	
KVTS 10: Chương Mỹ, Hà Đông, Thanh Oai			
1	Chúc Động	0501	
2	Chương Mỹ A	0502	
3	Chương Mỹ B	0503	
4	Xuân Mai	0504	
5	Nguyễn Văn Trỗi	0505	
6	Chuyên Nguyễn Huệ	1001	Chuyên P3
7	Lê Quý Đôn-Hà Đông	1003	
8	Quang Trung-Hà Đông	1004	
9	Trần Hưng Đạo-Hà Đông	1005	
10	Nguyễn Du-Thanh Oai	2601	
11	Thanh Oai A	2602	
12	Thanh Oai B	2603	
KVTS 11: Phú Xuyên, Thường Tín			
1	Đồng Quan	1901	
2	Phú Xuyên A	1902	
3	Phú Xuyên B	1903	
4	Tân Dân	1904	
5	Lý Tử Tấn	2901	
6	Nguyễn Trãi-Thường Tín	2902	
7	Tô Hiệu-Thường Tín	2903	
8	Thường Tín	2904	
9	Vân Tảo	2905	
KVTS 12: Mỹ Đức, Ứng Hòa			
1	Hợp Thanh	1701	
2	Mỹ Đức A	1702	
3	Mỹ Đức B	1703	
4	Mỹ Đức C	1704	
5	Đại Cường	3001	
6	Lưu Hoàng	3002	
7	Trần Đăng Ninh	3003	
8	Ứng Hòa A	3004	
9	Ứng Hòa B	3005	

Ký hiệu viết tắt cột "Ghi chú": **SBTT**: Song bằng tú tài; **SNTP**: Song ngữ tiếng Pháp; **P3**: Pháp 3 năm; **N1**: Tiếng Nhật (NN1); **N2**: Tiếng Nhật (NN2); **Đ27**: Tiếng Đức (NN2 hệ 7 năm); **Đ2**: Tiếng Đức (NN2 hệ 3 năm); **H2**: Tiếng Hàn (NN2); **T2**: Tiếng Trung (NN2); **TCTP**: Tăng cường Tiếng Pháp./.

Phụ lục XI

**CÁC MẪU BIỂU PHỤC VỤ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Công văn số 1006/SGDDT-QLT ngày 08/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo) 16

Mẫu M01: Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025 (mặt trước)

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2024-2025																																																				
(Trước khi kẻ khai Phiếu đăng ký dự tuyển (ĐKDT), thí sinh đọc kỹ các mục và HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU, những điểm chưa rõ thí sinh hỏi cán bộ tiếp nhận ĐKDT để được hướng dẫn)																																																				
PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (GDĐT)				TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ (THCS), TRUNG TÂM GDNN GDTX				Số phiếu																																												
I. THÔNG TIN CÁ NHÂN																																																				
1. Họ và tên thí sinh (Viết chữ in hoa có dấu):..... 2. Lớp 9:.....																																																				
3. Giới tính (Nam hoặc Nữ):..... 4. Dân tộc (Ghi bằng chữ):..... 5. Hướng chính sách dân tộc:.....																																																				
6. Ngày tháng năm sinh:...../...../..... 7. Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố):.....																																																				
8. Mã học sinh (Mã định danh tên cơ sở dữ liệu ngành GDĐT do điểm tiếp nhận phiếu ĐKDT cấp):.....																																																				
9. Nơi thường trú:.....																																																				
10. Nơi ở hiện tại:.....																																																				
11. KVTS (Theo nơi thường trú):..... 12. Điểm ưu tiên (Mức cao nhất):..... 13. Có chứng chỉ tiếng Đức A2 trở lên:.....																																																				
14. Kết quả học tập và rèn luyện cấp THCS:																																																				
<table><thead><tr><th>Lớp</th><th>6</th><th>7</th><th>8</th><th>9</th><th>Xếp loại tốt nghiệp THCS</th><th colspan="7">Điểm trung bình môn cả năm lớp 9</th></tr><tr><th>Hành kiểm</th><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><th>Văn</th><th>Toán</th><th>Ngoại ngữ</th><th>Vật lý</th><th>Hóa học</th><th>Sinh</th><th>Sử</th><th>Địa</th></tr><tr><th>Học lực</th><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></thead></table>												Lớp	6	7	8	9	Xếp loại tốt nghiệp THCS	Điểm trung bình môn cả năm lớp 9							Hành kiểm						Văn	Toán	Ngoại ngữ	Vật lý	Hóa học	Sinh	Sử	Địa	Học lực													
Lớp	6	7	8	9	Xếp loại tốt nghiệp THCS	Điểm trung bình môn cả năm lớp 9																																														
Hành kiểm						Văn	Toán	Ngoại ngữ	Vật lý	Hóa học	Sinh	Sử	Địa																																							
Học lực																																																				
15. Điện thoại liên hệ:..... 16. Đối tượng (Ghi tắt):.....																																																				
II. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 KHÔNG CHUYÊN TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (THPT)																																																				
17. Đăng ký Ngoại ngữ học tại trường THPT (Anh, Pháp, Đức, Nhật):.....																																																				
18. Đăng ký Ngoại ngữ thi (Môn thi chiều 08/6/2024, gồm: Anh, Pháp, Đức, Nhật, Hàn):..... (Thí sinh chỉ đăng ký dự tuyển vào lớp 10 chuyên cũng phải ghi vào ô này)																																																				
19. Đăng ký KVTS:..... (Có thể khác KVTS theo nơi thường trú) 20. Số lượng nguyện vọng:.....																																																				
a) Nguyện vọng 1 (Chỉ tên trường THPT):..... Mã trường THPT:.....																																																				
b) Nguyện vọng 2 (Chỉ tên trường THPT):..... Mã trường THPT:.....																																																				
c) Nguyện vọng 3 (Chỉ tên trường THPT):..... Mã trường THPT:.....																																																				
III. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN THPT																																																				
21. Ngoại ngữ thi thay thế chuyên ngữ (Anh, Pháp, Đức, Nhật, Hàn):..... 22. Điểm sơ tuyển:.....																																																				
23. Nguyện vọng chuyên (Thí sinh điền vào bảng dưới đây):																																																				
<table><thead><tr><th></th><th>Tên trường chuyên</th><th>ĐTB môn dự thi</th><th>Tên trường nguyện vọng 1</th><th>Tên trường nguyện vọng 2</th></tr></thead><tbody><tr><td>Buổi sáng 10/6/2024</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Buổi chiều 10/6/2024</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Chuyên tiếng Trung</td><td></td><td></td><td>Chuyên Hà Nội-Amsterdam</td><td></td></tr><tr><td>Chuyên tiếng Nga</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></tbody></table>													Tên trường chuyên	ĐTB môn dự thi	Tên trường nguyện vọng 1	Tên trường nguyện vọng 2	Buổi sáng 10/6/2024					Buổi chiều 10/6/2024					Chuyên tiếng Trung			Chuyên Hà Nội-Amsterdam		Chuyên tiếng Nga																				
	Tên trường chuyên	ĐTB môn dự thi	Tên trường nguyện vọng 1	Tên trường nguyện vọng 2																																																
Buổi sáng 10/6/2024																																																				
Buổi chiều 10/6/2024																																																				
Chuyên tiếng Trung			Chuyên Hà Nội-Amsterdam																																																	
Chuyên tiếng Nga																																																				
IV. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 HỆ SONG BẰNG TỰ TÀI																																																				
24. Nguyện vọng 1 (Chỉ tên trường THPT):..... Mã trường THPT:.....																																																				
25. Nguyện vọng 2 (Chỉ tên trường THPT):..... Mã trường THPT:.....																																																				
V. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 SONG NGỮ TIẾNG PHÁP VÀ TĂNG CƯỜNG TIẾNG PHÁP																																																				
26. Điểm Pháp ngữ:.....																																																				
27. Nguyện vọng vào lớp song ngữ tiếng Pháp Trường THPT Chu Văn An (Nếu đăng ký điền dấu, X vào ô trống):.....																																																				
28. Nguyện vọng vào lớp tăng cường tiếng Pháp Trường THPT Việt Đức (Nếu đăng ký điền dấu, X vào ô trống):.....																																																				
HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)				CHAME/NGƯỜI GIÁM HỘ (Ký và ghi rõ họ, tên)				THÍ SINH (Ký và ghi rõ họ, tên)																																												

Mẫu M01: Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025 (mặt sau)

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2024-2025

Mục Phòng GDDT, Trường THCS Trung tâm GDNN-GDTX: Ghi rõ tên phòng GDDT quận/huyện/thị xã, trường THCS Trung tâm GDNN-GDTX nơi thí sinh (TS) tốt nghiệp THCS. Nếu là TS tự do thì ghi "Tự do" tại mục trường THCS trung tâm GDNN-GDTX.

Mục Số phiếu: Nơi tiếp nhận Phiếu ĐKDT ghi theo thứ tự từ nhỏ đến lớn (Vị dụ: 001, 002,...), TS không ghi mục này.

PHẦN I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Mục 1, 2, 3, 4: Ghi theo hướng dẫn trên Phiếu ĐKDT. Nếu là TS tự do thì Mục 2 ghi tên lớp là: 9 TD.
- Mục 5: Điền dấu "X" tại ô này nếu TS là người dân tộc thiểu số hoặc có bố hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số.
- Mục 6: Ghi đầy đủ ngày tháng năm sinh theo quy định: 02 chữ số của ngày, 02 chữ số của tháng, 04 chữ số của năm.
Vị dụ: 02/12/2009
- Mục 7: Ghi rõ tên tỉnh hoặc thành phố. Nếu sinh ở nước ngoài, phải ghi rõ tên quốc gia (theo phiên âm tiếng Việt Nam).
Vị dụ: Ot-xtrây-li-a, Liên bang Nga...
- Mục 8: Ghi đầy đủ, chính xác Mã định danh trên cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành GDDT do điểm tiếp nhận Phiếu ĐKDT hướng dẫn hoặc cung cấp cho TS (ghi mỗi chữ số vào một ô).
- Mục 9: Ghi rõ tên tổ chức, phường/xã, quận/huyện/thị xã, tỉnh/thành phố nơi thường trú của TS (thước kẻ hoặc gạch hoặc người giám hộ của TS).
Vị dụ: Tổ 23, phường Trưng Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Mục 10: Ghi rõ địa chỉ nơi ở hiện tại của TS.
- Mục 11: Điền khu vực tuyển sinh (KVTS) theo quy định (Xem thêm Bảng mã các trường THPT công lập quy định tại Phụ lục X kèm theo Hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025 của Sở GDDT Hà Nội để nắm rõ KVTS).
- Mục 12: Ghi tổng điểm ưu tiên, chỉ tính nước ưu tiên cao nhất (Xem thêm quy định chỗ ở ưu tiên tại Phụ lục II, mục V.1 kèm theo Hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 THPT của Sở GDDT Hà Nội năm học 2024-2025).
- Mục 13: Điền dấu "X" tại ô này nếu TS vào lớp tiếng Đức ngoại ngữ 2 hệ 7 năm của Trường THPT Việt Đức và có chứng chỉ tiếng Đức đạt từ A2 trở lên.
- Mục 14, 15: Điền đủ thông tin theo mẫu trên Phiếu ĐKDT.

Mục 16: Đối tượng: Ghi tất cả các đối tượng được cộng điểm ưu tiên và các quy định khác theo hướng dẫn dưới đây:

Còn kết sĩ	L	Còn Anh hùng LLVT, Anh hùng LĐ, Bà mẹ VN anh hùng	A
Còn thương binh, bệnh binh mất sức ≥ 81%	N	Hương (kính) chính sách dân tộc	D
Còn thương binh, bệnh binh mất sức < 81%	B	Hiện tại và học tập ở vùng KT-XH khó khăn	VKK
Đang ký thi vào lớp song ngữ tiếng Pháp	ZHC	Đang ký thi vào lớp song ngữ tiếng Pháp	ZFL
Đang ký học tiếng Đức ngoại ngữ 2 hệ 7 năm (có chứng chỉ A2 trở lên)	AZ	Giai quốc tế về văn hóa, khoa học kỹ thuật thi ghi	GQH
Còn các người hoạt động không chính thức bị nhiễm chất độc hóa học	C	Văn nghệ thể dục thể thao thi ghi	GQT
Dạy văn nghệ, thể dục thể thao (TDTT) cấp tỉnh/thành phố: Nhất (VT1), Nhì (VT2), Ba (VT3), Khuyến khích 3 (VT4)		Dạy văn nghệ, TDTT cấp quốc gia: Nhất (GT1), Nhì (GT2), Ba (GT3), Khuyến khích (GT4)	
Dạy văn hóa, khoa học kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố: Nhất (VH1), Nhì (VH2), Ba (VH3), Khuyến khích (VH4)		Dạy văn hóa, khoa học kỹ thuật cấp quốc gia: Nhất (GH1), Nhì (GH2), Ba (GH3), Khuyến khích (GH4)	

Chú ý: Nếu TS có nhiều việc được quy định ghi tất cả trên thì giữa mỗi loại cách nhau bởi dấu ";". Ví dụ: VH2, D, VKK, AZ (TS có giải Nhì Thành phố môn văn hóa, được hưởng chính sách dân tộc, sống và học tập ở vùng KT-XH khó khăn, đang ký học tiếng Đức ngoại ngữ 2 hệ 7 năm và có chứng chỉ tiếng Đức A2 trở lên).

PHẦN II. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 KHÔNG CHUYÊN TRƯỜNG THPT

- Mục 17: Ghi rõ tên Ngoại ngữ đăng ký học tại trường THPT là một trong các thứ tiếng: tiếng Pháp (trường hợp TS đăng ký học ngoại ngữ là tiếng Pháp hệ 3 năm Trường THPT Sơn Tây); tiếng Đức (trường hợp TS đăng ký học tiếng Đức là ngoại ngữ 2 hệ 7 năm Trường THPT Việt Đức); tiếng Nhật (trường hợp TS đăng ký học tiếng Nhật là ngoại ngữ 1 tại một trong các Trường THPT: Chu Văn An, Kim Liên, Việt Đức). Các trường hợp khác, ghi là tiếng Anh.
- Mục 18: TS có thể đăng ký ngoại ngữ thì là một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Hàn (tùy theo khả năng, không bắt buộc phải thi và ngoại ngữ được học ở cấp THCS). Riêng trường hợp đăng ký ngoại ngữ học THPT là tiếng Đức ngoại ngữ 2 hệ 7 năm thì ngoại ngữ thì bắt buộc phải là tiếng Đức. TS được hưởng chế độ tuyển thẳng mà không có nguyện vọng thì chuyển không phải ghi mục này.
- Mục 19: Ghi khu vực tuyển sinh mà TS đăng ký dự tuyển (nếu KVTS đăng ký khác KVTS theo nơi thường trú thì TS phải có Đơn xin đi KVTS - Mẫu M02).
- Mục 20: Ghi rõ số hướng nguyện vọng (NV) và tên trường, mã trường THPT tương ứng, cụ thể:
- Nếu TS chỉ có 01 NV: NV1 có thể là trường THPT công lập ở KVTS bất kỳ trên toàn Thành phố.
- Nếu TS chọn 02 NV: NV1 phải nằm trong KVTS theo quy định tại mục 19, NV2 có thể là trường THPT công lập ở KVTS bất kỳ.
- Nếu TS chọn 03 NV: NV1 và NV2 phải trong cùng KVTS theo quy định tại mục 19, NV3 có thể là trường THPT công lập ở KVTS bất kỳ.
- Nếu đăng ký dự tuyển thì để lấy điểm xét tuyển vào các trường công lập tự chọn hoặc tự thực tuyển sinh theo phương án và đúng kết quả thì ghi như sau:
- Đồng Nguyên vọng 1: Ghi tên một trường THPT công lập và mã số trường THPT để lấy địa điểm dự thi.
- Đồng Nguyên vọng 2: Ghi "NCL" (chủ yếu học).
- Nếu TS đăng ký xét tuyển thẳng vào trường THPT công lập muốn theo học, cách ghi như sau:
- Đồng Nguyên vọng 1: Ghi tên và mã số một trường THPT công lập đăng ký tuyển thẳng. Trường đăng ký tuyển thẳng phải thuộc KVTS theo nơi thường trú (Mục 17).
- Đồng Nguyên vọng 2: Ghi "Tuyển thẳng (x)". Trong đó "x" là diện tuyển thẳng, có thể là: a. TS Trường PT dân tộc nội trú; b. TS dân tộc rất ít người; c. TS khuyết tật; d. TS đạt giải quốc gia quốc tế về văn hóa, văn nghệ, TDTT. (Vị dụ: ghi "Tuyển thẳng (c)" có nghĩa: TS khuyết tật đăng ký tuyển thẳng).
- Đồng Nguyên vọng 3: Ghi tên giải huy chương và tên cuộc thi theo Giấy chứng nhận đạt giải cấp quốc gia, quốc tế. (Vị dụ: Giải Nhì cuộc thi Viết thư quốc tế ICPP năm 2023).

PHẦN III. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN TRƯỜNG THPT

Mục 21: Ngoại ngữ thì thay thế môn chuyên ngữ: TS ghi tên môn ngoại ngữ để thay thế môn chuyên ngữ (Vị dụ: Dự tuyển chuyên tiếng Pháp Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ đăng ký thi bằng tiếng Anh/Nhật Đức/Hàn, dự tuyển chuyên tiếng Trung/tiếng Nga thì bằng tiếng Anh/Pháp/Nhật Đức/Hàn), các trường hợp còn lại để trống.

Mục 22: Ghi tổng điểm sơ tuyển.

Mục 23: Chỉ nguyên vọng chuyển theo bảng hướng dẫn. Lưu ý:

*Lớp chuyên cơ sở chức:

Thi vào lớp chuyên: Ghi lớp chuyên đăng ký dự thi vào buổi thi (sáng, chiều) tương ứng.

Buổi sáng (10/6/2024) thì vào các lớp chuyên: Toán, Ngữ Văn, Tin học, Sinh học, Tiếng Pháp và thi tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn thay thế.

Buổi chiều (10/6/2024) thì vào các lớp chuyên: Vật lý, Hóa học, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh.

*Lớp chuyên song ngữ Trung, tiếng Nga: Nếu đăng ký 2 lớp chuyên này, TS phải tích dấu "X" tại dòng tương ứng của cột "Thi vào lớp chuyên" trong Bảng.

*Trường hợp đặc biệt:

TS đăng ký dự tuyển chuyên tiếng Pháp Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ:

Đang ký lớp chuyên "tiếng Pháp" tại dòng "Buổi sáng 10/6/2024".

Nếu đăng ký môn thay thế là tiếng Anh sẽ không được đăng ký các lớp chuyên khác ở dòng "Buổi chiều 10/6/2024" trừ chuyên tiếng Anh Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ. Nếu môn thay thế là tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn thì vẫn được đăng ký các chuyên khác (không phải là chuyên tiếng Anh) vào dòng "Buổi chiều 10/6/2024".

TS đăng ký dự tuyển cả chuyên tiếng Pháp (không đăng ký môn thay thế) và chuyên tiếng Anh: Ngoại ngữ thì chuyên ngày 08/6/2024 phải là tiếng Pháp (trừ trường hợp TS đăng ký thi vào lớp tiếng Đức ngoại ngữ 2 hệ 7 năm của Trường THPT Việt Đức).

PHẦN IV. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 HỆ SONG BẢNG TỰ TÀI

(Dành cho học sinh đã kết thúc học chương trình đào tạo song bằng theo Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND Thành phố về việc Phê duyệt Đề án "Thi điểm chương trình đào tạo song bằng THCS Việt Nam và Chương trình GCSE tại một số trường THCS tại Hà Nội")

Mục 24, 25: Ghi vào các dòng Nguyên vọng 1, Nguyên vọng 2 theo nguyện vọng của TS (chỉ có một nguyện vọng ghi tên trường để vào dòng Nguyên vọng 1).

PHẦN V. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 SONG NGỮ TIẾNG PHÁP VÀ TĂNG CƯỜNG TIẾNG PHÁP

Mục 26: Ghi điểm Pháp ngữ chương trình song ngữ tiếng Pháp của TS vào ô này (Điểm Pháp ngữ là tổng điểm thi môn Tiếng Pháp thế số 2) và môn Toán bằng tiếng Pháp (thế số 1) của học sinh trong Kỳ thi tốt nghiệp chương trình song ngữ tiếng Pháp cấp THCS).

Mục 27: Điền dấu "X" vào ô tương ứng nếu có nguyện vọng đăng ký dự tuyển vào lớp song ngữ tiếng Pháp của Trường THPT Chu Văn An.

Mục 28: Điền dấu "X" vào ô tương ứng nếu có nguyện vọng đăng ký dự tuyển vào lớp tăng cường tiếng Pháp của Trường THPT Việt Đức.

Mẫu M02

ĐƠN XIN CHUYỂN ĐỔI KHU VỰC TUYỂN SINH**Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo**

Tên em là:

Sinh ngày tháng năm

Là học sinh lớp: Trường:

Nơi thường trú:

Thuộc khu vực tuyển sinh: ☐Em làm đơn này xin được chuyển đổi sang khu vực tuyển sinh: ☐

Lý do:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Kính đề nghị Phòng GDĐT xem xét giải quyết.**CHA MẸ HỌC SINH**
(Ký, ghi họ tên)**HỌC SINH**
(Ký, ghi họ tên)Ngày tháng năm 2024
XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG (GDĐTGDNN-GDTH)
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu M04

UBND QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ.....
TRƯỜNG THCS.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ
 VÀO HỌC LỚP 10 THPT TRƯỚC MỘT TUỔI
 Năm học 2024-2025**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại		Ghi chú
			Học lực	Hạnh kiểm	

Danh sách có học sinh.

**ĐỀ NGHỊ CỦA PHÒNG GD&ĐT
 TRƯỞNG PHÒNG**
(Ký tên và đóng dấu)

Hà Nội, ngày tháng năm 2024
HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
 Duyệt học sinh

Mẫu M08 (in từ phần mềm quản lý thi) để học sinh kiểm tra, ký xác nhận

Danh sách đăng ký

Cum: Trường: 10101-Ba Đình 01030101-THCS Ba Đình Lớp: Mẫu in: Sổ xếp: In toàn cum: Đăng ký dự thi: Lớp học: Quay ra

SỞ GD&ĐT THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG GD&ĐT BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS BA ĐÌNH

DANH SÁCH HỌC SINH ĐĂNG KÝ DỰ THI VÀO LỚP 10 THPT (Khẩu thi ngày: 12/06/2021)
Coi KV TS 10.5 và ngày là KV TS đã 3 + 5 KV TS HK

STT	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Lớp	Xếp loại HK HK	NK HK	NK THPT	Điểm ưu tiên	Ghi chú	KV TS	Số NV	NVL	NV2	NV3	HS kế thừa
1	LI VŨ HAI	AN	12/11/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	K	Anh Anh		1	3	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ			Mỹ Đình
2	DOLAN	ANH	01/04/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	K	Anh Anh		1	3	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ			Mỹ Đình
3	LI MINH	ANH	10/01/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh Anh		3	3	Chu Văn An	Quang Trung - Đống Đa	Tân Hưng Đạo - Thanh Xuân	
4	NGUYỄN CHAU	ANH	22/08/2006	TP Hồ Chí Minh	Nữ	9A1	T	G	Anh Anh	GH4	1	1	Chu Văn An			
5	NGUYỄN VŨ T	ANH	19/08/2006	Hà Nội	Nam	9A1	T	G	Anh Anh		103	3	Phạm Đình Phương	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ		
6	NGUYỄN VŨ TRAM	ANH	19/11/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	K	Anh Anh		1	3	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ		Tân Hưng Đạo - Thanh Xuân	
7	NGUYỄN CHAU	ANH	11/10/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh Anh		1	3	Phạm Đình Phương	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ		
8	LÊ H	CH	25/10/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh Anh		1	3	Phạm Đình Phương	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ		
9	HOANG KIM	DUNG	27/08/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh Anh		1	3	Phạm Đình Phương	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ		
10	ĐOÀN TH	DUNG	25/10/2006	Thanh Bình	Nam	9A1	T	G	Anh Anh		5	2	Nguyễn Cao Thuần	Nguyễn Văn C		
11	DỖ MINH	ĐỨC	12/10/2006	Hà Nội	Nam	9A1	T	K	Anh Anh		1	3	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ		Đại M	
12	LÊ ĐOÀNG TH	H	16/06/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	K	Anh Anh		1	2	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ			
13	NGUYỄN VŨ	HUY	25/10/2006	Hà Nội	Nam	9A1	T	G	Anh Anh		1	2	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ			
14	PHAM H	LAM	03/11/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh Anh		1	3	Phạm Đình Phương	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ		
15	DANG BAO M	QU	29/12/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh Anh		1	2	Phạm Hồng Thái	Tây Hồ		
16	LÊ PHƯƠNG	QU	02/11/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh Anh		1	3	Phạm Hồng Thái	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ		
17	MAI PHƯƠNG	QU	11/08/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	K	Anh Anh		1	2	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ			
18	NGUYỄN H	QU	08/02/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh Anh		1	3	Phạm Hồng Thái	Tây Hồ	Quang Trung - Đống Đa	
19	NGUYỄN KH	QU	15/01/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh Anh		1	3	Chu Văn An	Phạm Hồng Thái	Tây Hồ	
20	NGUYỄN NG	QU	15/01/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh Anh		1	3	Phạm Đình Phương	Nguyễn Trí - Ba Đình Tây Hồ		
21	NGUYỄN NG	QU	11/06/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh Anh		1	3	Phạm Hồng Thái	Tây Hồ	Trương Đình	

Page 1 of 8

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019)

MẪU GIẤY XÁC NHẬN KHUYẾT TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN KHUYẾT TẬT

Số hiệu:

Họ và tên:
Ngày, tháng, năm sinh:
Giới tính:
Nơi ĐKKH thường trú:
Nơi ở hiện nay:
Dạng khuyết tật:
Mức độ khuyết tật:

Ngày..... tháng năm.....

Chủ tịch UBND.....

(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

¹Quốc hiệu:

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: chữ in hoa, chữ đứng, đậm, màu đen

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc: chữ in thường, chữ đứng, đậm, màu đen

²Giấy xác nhận khuyết tật: Chữ in hoa, chữ đứng, đậm, màu đỏ.

³Số hiệu: Ghi mã số đơn vị hành chính cấp xã theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7/8/2004 về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam và sáu chữ số ghi thứ tự người khuyết tật. Ví dụ: Người khuyết tật thứ 3 tại xã Đại Lai, Huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh có số hiệu là: 09469.000003; Người khuyết tật thứ 108 tại Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội có số hiệu: 00076.000108. Ghi số, chữ in thường, chữ đứng, màu đen.

⁴Họ và tên: Chữ in: hoa, chữ đứng, đậm, màu đen.

⁵Ngày, tháng, năm sinh: Ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh, chữ thường.

⁶Giới tính: Ghi "Nam" hoặc "Nữ", chữ in thường, chữ đứng, màu đen.

⁷Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ghi theo sổ hộ khẩu của người khuyết tật, chữ in thường, chữ đứng, màu đen.

⁸Nơi ở hiện nay: Chữ in thường, chữ đứng, màu đen

⁹Dạng khuyết tật: Ghi đúng các dạng khuyết tật theo quy định tại Điều 3 Luật người khuyết tật, chữ in thường, chữ đứng, màu đen.

¹⁰Mức độ khuyết tật: Ghi đúng mức độ khuyết tật theo quy định tại Điều 3 Luật người khuyết tật, chữ in thường, chữ đứng, màu đen.

¹¹Ngày tháng năm: Chữ in thường, chữ đứng, màu đen.

¹²Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký tên, đóng dấu: ghi chữ in thường, chữ đứng, đậm, màu đen

Mẫu M10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đơn vị: Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../KH.....

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2024

**KẾ HOẠCH
VỀ CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024-2025**

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-SGDĐT ngày / /2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số /SGDĐT-QLT ngày / /2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2024-2025;

Căn cứ đặc điểm tình hình thực tế của Trường/Trung tâm.... năm học 2024-2025;

Trường/Trung tâm.....ban hành kế hoạch công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

II. NỘI DUNG

1. Phương án và đối tượng tuyển sinh
2. Độ tuổi dự tuyển
3. Hồ sơ dự tuyển
4. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh
5. Thời gian tuyển sinh

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ
2. Chế độ báo cáo

Nơi nhận:
- Sở GDĐT;
- Thành viên HETTS;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu M11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO**CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2024 – 2025****1. Báo cáo thống kê số lượng tuyển sinh***a. Đối với các trường THPT công lập không chuyên*

Lớp	Chỉ tiêu được giao	Điểm chuẩn lần 1	Điểm chuẩn lần 2 (nếu có)	NV1 (hs)	NV2 (hs)	NV3 (hs)	Tổng số đã tuyển	So với chỉ tiêu		Ghi chú
								Thừa	Thiếu	
Tiếng Anh										
Tiếng Nhật NN1										
Tiếng Đức 27										
Tiếng Pháp 3 năm										

b. Đối với các trường THPT công lập tự chủ tài chính, tự thực, trung tâm GDNN-GDTX, cơ sở giáo dục liên kết đào tạo văn hóa chương trình GDTX

Chỉ tiêu được giao/số lớp	Tổng số học sinh đã tuyển	Chia ra			So với chỉ tiêu		Ghi chú
		Học sinh nội tỉnh		Ngoại tỉnh	Thừa	Thiếu	
		Tốt nghiệp năm học 2023-2024	Tốt nghiệp năm trước				

2. Thuận lợi, khó khăn và Ý kiến đề xuất (nếu có)*a. Thuận lợi*

.....

b. Khó khăn

.....

c. Ý kiến đề xuất

.....

HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)